

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Dương Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp P, xã P1, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020), có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:

Ngày 01 tháng 7 năm 2014, ông Lê Văn T làm dự án vay vốn quỹ cho vay giải quyết việc làm để chăm sóc cao su được Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương lập danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng C đã được Ủy ban nhân dân xã L1 phê duyệt.

Ngày 21 tháng 8 năm 2014, Ngân hàng C thực hiện dự án cho vay giải quyết việc làm theo Quyết định về việc giao vốn vay số 807/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 27 tháng 8 năm 2014, Ngân hàng C tiến hành cho ông Lê Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (đến hạn khoản vay ngày 17 tháng 8 năm 2017) lãi suất 0,6%/tháng. Tài sản đảm bảo: không có. Định kỳ trả nợ gốc: 12 tháng với số tiền 6.600.000 đồng; lãi quá hạn bằng 130% lãi trong hạn. Theo quy chế cho vay của Ngân hàng C thì trường hợp bên vay không trả được nợ thì lãi quá hạn được tính kể từ ngày khoản vay đến hạn. Trường hợp của ông T thì lãi quá hạn được tính kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 trở đi.

Ngày 27 tháng 8 năm 2014, Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã B giải ngân cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời cấp sổ vay vốn mã KH 4900025729, sổ này do Ngân hàng C giữ và theo dõi việc trả gốc, trả lãi của khách hàng.

Từ ngày 27 tháng 8 năm 2014 cho đến ngày 17 tháng 8 năm 2017, ông T không trả nợ gốc, không trả lãi cho Ngân hàng C.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã B thông báo nợ đến hạn đối với ông T, cụ thể yêu cầu số tiền nợ gốc phải trả là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 4.220.000 đồng.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã B thông báo nợ quá hạn đối với ông T, cụ thể số tiền nợ gốc phải trả là 20.001.000 đồng và tiền lãi là 7.004.845 đồng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã B thông báo nợ quá hạn đối với ông T, cụ thể số tiền nợ gốc phải trả là 20.001.000 đồng và tiền lãi là 7.322.062 đồng.

Từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đến 23 tháng 7 năm 2019, ông T đã trả được 8.000.000 đồng nợ gốc, không trả lãi. Sau đó, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Cho đến nay, ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng C.

Đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng C tiền gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi là 9.073.879 đồng.

Nay, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T trả các khoản tiền sau: yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền 21.073.879 (hai mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04 tháng 01 năm 2021.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng C và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G, trình bày: tại đơn khởi kiện, Ngân hàng C yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền 21.073.879 (hai mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04 tháng 01 năm 2021. Tại phiên tòa, yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền 21.560.559 đồng (trong đó bao gồm: 12.000.000 đồng nợ gốc, 9.560.559 tiền lãi) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 với mức lãi suất 0,78%/tháng trên số tiền nợ gốc còn lại.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện ông Lê Văn T yêu cầu thanh toán nợ vay trong hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lê Văn T có nơi cư trú tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý

do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hợp đồng tín dụng: năm 2014, Ngân hàng C thực hiện dự án cho vay giải quyết việc làm theo Quyết định về việc giao vốn vay số 807/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B ngày 21 tháng 8 năm 2014. Theo đó, Ngân hàng C cho ông Lê Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 0,6%/tháng; lãi quá hạn bằng 130% lãi trong hạn tương ứng là 0,78%/tháng; tài sản đảm bảo: không có; định kỳ trả gốc là 12 tháng với số tiền 6.600.000 đồng; thời hạn vay xác định từ ngày 27 tháng 8 năm 2014 đến ngày 17 tháng 8 năm 2017. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và ông T được thể hiện bằng sổ vay vốn có mã KH 080705 kèm theo tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: ngày 27 tháng 8 năm 2014, Ngân hàng C thực hiện giải ngân, giao ông T số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 8 năm 2017, ông T không thực hiện trả nợ gốc, không trả lãi cho Ngân hàng C. Ngày 23 tháng 7 năm 2019, ông T trả nợ gốc cho Ngân hàng C với số tiền là 8.000.000 đồng, không thực hiện trả lãi. Đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng C 12.000.000 đồng nợ gốc và 9.560.559 đồng tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng C đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, Hợp đồng tín dụng ngày 27 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng C và ông T có nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả cho Ngân hàng C số tiền 8.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 17 tháng 8 năm 2017, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết ngày 27 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng C và ông T.

Tại phiên tòa, Ngân hàng C yêu cầu ông T trả số tiền 21.560.559 đồng (trong đó bao gồm: 12.000.000 đồng nợ gốc, 9.560.559 đồng tiền lãi đến ngày 25 tháng 5 năm 2021) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng C yêu cầu ông T trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng với mức lãi suất 0,78%/tháng tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng C là phù hợp nội dung *“...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết*

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, các điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 232, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Lê Văn T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Văn T thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 21.560.559 (hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm năm mươi chín) đồng (trong đó bao gồm: 12.000.000 đồng nợ gốc và 9.560.559 đồng tiền lãi).

Buộc ông Lê Văn T phải trả cho Ngân hàng C tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngày 27 tháng 8 năm 2014 theo mức lãi suất 0,78%/tháng tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Ông Lê Văn T phải chịu 1.078.270 (một triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi) đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết